

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ VỊ THANH
TỈNH HẬU GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 77/2018/DS-ST
Ngày: 28-3-2018
V/v: Tranh chấp hợp mua bán tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ VỊ THANH, TỈNH HẬU GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Trinh.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Phạm Hoàng Phúc.

Ông Nguyễn Cẩm Lụa.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Đăng Duy - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Vị Thanh, tỉnh Hậu Giang.

Ngày 28 tháng 3 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Vị Thanh, tỉnh Hậu Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 09/2018/TLST-DS ngày 18 tháng 01 năm 2018 về tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 52/2018/QĐXXST-DS ngày 12 tháng 3 năm 2018 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Lâm Văn T.

Địa chỉ: Ấp 2, xã Vị Tân, thành phố Vị Thanh, tỉnh Hậu Giang. (Có mặt)

- Bị đơn: Ông Trần Văn H.

Địa chỉ: Ấp 2, xã Vị Tân, thành phố Vị Thanh, tỉnh Hậu Giang. (Có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện gửi Tòa án, bản tự khai và tại biên bản hòa giải ông Lâm Văn T trình bày:

Vào ngày 20/8/2006 ông T có bán thức ăn gia súc cho ông Trần Văn H với số tiền là 10.224.000 đồng, ông H có làm biên nhận nợ tiền thức ăn. Tuy nhiên, kể từ khi nhận thức ăn gia súc đến nay ông H không trả cho ông T số tiền trên. Nay ông T yêu cầu ông H phải trả lại cho ông T số

tiền nợ thức ăn là 10.224.000 đồng và tiền lãi chậm thanh toán là 20.070.360 đồng, tổng số tiền là 30.294.360đ.

Tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn thay đổi yêu cầu khởi kiện như sau: Nguyên đơn yêu cầu bị đơn phải trả cho nguyên đơn vốn gốc 10.224.000 đồng, tiền lãi tính từ ngày 20/8/2006 đến ngày 28/3/2018 là 139 tháng, lãi suất chậm trả là 1,5%/tháng, số tiền lãi là 21.317.400 đồng, ông H đã trả lãi được 4.000.000 đồng còn lại 17.317.400 đồng. Như vậy tổng vốn gốc và lãi yêu cầu ông H phải trả là 27.541.400 đồng.

Bị đơn ông Trần Văn H trình bày: Không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn vì bị đơn đã trả đầy đủ tiền nợ thức ăn cho ông T bao gồm tiền gốc và lãi là 12.000.000đ, trả vào ngày 20/01/2013, nguyên đơn có viết biên nhận tiền. Bị đơn yêu cầu tòa án bác đơn khởi kiện của nguyên đơn. Tại phiên tòa bị đơn vẫn giữ nguyên các lời khai ban đầu.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Theo đơn khởi kiện và các chứng cứ trong hồ sơ vụ án cho thấy giữa nguyên đơn và bị đơn có tranh chấp về việc nợ tiền mua bán thức ăn gia súc. Tranh chấp này thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Vị Thanh theo quy định tại khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Việc xác lập hợp đồng giữa các đương sự: Ông H thừa nhận nhiều lần có mua thức ăn gia súc của ông Lâm Văn Tvới số tiền là 10.224.000 đồng và ông H có viết biên nhận nợ số tiền này vào ngày 20/8/2006. Điều này cho thấy việc mua bán thức ăn gia súc giữa nguyên đơn và bị đơn là có thật và việc mua bán thức ăn gia súc giữa nguyên đơn và bị đơn là hình thức của việc giao kết hợp đồng mua bán tài sản cho nên nguyên đơn và bị đơn phải thực hiện theo những gì đã giao kết.

[3] Quá trình các bên thực hiện hợp đồng và trách nhiệm thanh toán tiền: Theo biên nhận ngày 20/8/2006 ông H đã nhận thức ăn của ông T thì phải có nghĩa vụ thanh toán tiền thức ăn cho ông T. Ông H cung cấp biên nhận ngày 20/01/2013 và cho rằng đã thanh toán đủ số tiền nợ thức ăn gia súc của ông T bao gồm lãi và nợ gốc là 12.000.000đ. Tuy nhiên, ông T cho rằng ông H chưa trả tiền thức ăn theo biên nhận nợ ngày 20/8/2006 và biên nhận tiền ngày 20/01/2013

là việc ông H thanh toán nợ của các đợt mua thức ăn khác trước đó.

[3.1] Xét thấy, trong biên bản hòa giải và tại phiên tòa ông T đều thừa nhận biên nhận ngày 20/01/2013 là do ông T viết, tên Ton là tên gọi thường ngày của ông T và ông T có nhận của ông H số tiền 12.000.000 đồng. Mặt khác, trong biên nhận ngày 20/01/2013 không thể hiện việc ông T nhận 12.000.000 đồng là để thanh toán cho khoản nợ cụ thể nào và ông T cũng không cung cấp được chứng cứ chứng minh biên nhận ngày 20/01/2013 là trả cho đợt mua thức ăn khác. Như vậy, có đủ cơ sở để xác định việc ông T nhận tiền của ông H theo biên nhận ngày 20/01/2013 là số tiền ông H trả cho biên nhận nợ ngày 20/8/2006.

[3.2] Đối với lãi suất chậm trả tiền, trong biên nhận nợ ngày 20/8/2006 không thể hiện việc nguyên đơn và bị đơn có thỏa thuận mức lãi suất chậm trả tiền, trong biên nhận ngày 20/01/2013 không thể hiện rõ việc ông T nhận 12.000.000 đồng từ ông H là tiền gốc hay tiền lãi. Tại phiên tòa, giữa nguyên đơn và bị đơn đều thống nhất việc bị đơn có trả lãi chậm trả tiền cho nguyên đơn. Mặt khác, căn cứ vào biên nhận ngày 20/8/2006 ông H chỉ nợ ông T 10.224.000 đồng nhưng ông H đã trả cho ông T số tiền 12.000.000 đồng nên việc ông H cho rằng đã trả tiền gốc và lãi cho ông T là có cơ sở. Tại phiên tòa nguyên đơn cũng thừa nhận ông H không còn nợ 4.000.000 đồng theo biên nhận tiền ngày 20/01/2013, ông T đã nhận đủ số tiền theo biên nhận ngày 20/01/2013 bao gồm số tiền 12.000.000 đồng và 4.000.000 đồng còn nợ.

Từ những phân tích trên có đủ cơ sở để xác định ông T đã nhận đủ tiền thức ăn từ ông H và ông H không còn nghĩa vụ phải thanh toán tiền thức ăn cho ông T.

[4] Từ những phân tích đánh giá như nêu trên, Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Án phí dân sự sơ thẩm buộc ông Lâm Văn T phải chịu toàn bộ theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Các Điều 26, 35, 39, Điều 147 và 227 của Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 428; 431; 432; 438; 470 Bộ luật dân sự 2005. Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy

định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Lâm Văn T.

2. Án phí dân sự sơ thẩm: Buộc ông Lâm Văn T phải nộp là: 1.377.000 đồng (Một triệu ba trăm bảy mươi bảy nghìn đồng).

Ông Lâm Văn T được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 757.000 đồng (Bảy trăm năm mươi bảy nghìn đồng) theo biên lai thu số 0012720 ngày 18 tháng 01 năm 2018 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Vị Thanh, tỉnh Hậu Giang. Ông T phải nộp thêm 620.000 đồng (Sáu trăm hai mươi nghìn đồng).

3. Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND TP Vị Thanh;
- Chi cục THADS TP Vị Thanh;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN
TÒA**

THÀNH THỊ TỈNH